

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSULTANCY AND CONSTRUCTION CONSULTANCY JSC
LÔ STH21-23 ĐƯỜNG 4B KẾT LÊ HỒNG PHONG II - P. NAM NHA TRANG
ĐT: 0914.016.968 – 0868.205.205



HỒ SƠ

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ

NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số: 07/CBTT-VIETNAMJSC/2026

Khánh Hoà, ngày 05 tháng 05 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hoà;

**- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát,
nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.**



1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định xây dựng Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200816755, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2029; đăng ký thay đổi lần 9 ngày 24/05/2023 do Sở Tài chính Khánh Hoà cấp.
- Địa chỉ: STH21-23, đường 4B, KĐT Lê Hồng Phong 2, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0868.205.205 - 0914.016.968. Email: Quanglas755@gmail.com
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của tổ chức: <http://vietnamsjc.vn>
- Người đại diện theo pháp luật: Trần Văn Quang – Số CCCD: 036078021923

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng LAS-XD 31.006**
- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: STH21-23, đường 4B, KĐT Lê Hồng Phong 2, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
- Trưởng phòng thí nghiệm: Lê Tiến Công
- Tổng số CBNV của Phòng thí nghiệm: 15 người
- Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG; XI MĂNG BỀN SUNFAT				
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng; Xi măng sunfat	TCVN 13605:2023; TCVN6067:18; BS EN 196-6:10;ASTM C184, C188, C150, C204; AASHTO T133; T153; T192	Bình khối lượng riêng xi măng, cân kỹ thuật, bộ sàng thí nghiệm	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích Hà Thị Duyên	
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; ASTM C109; C348;C349; AASHTO T106-11; BS EN 196-1:05	Máy thử cường độ nén, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm, máy trộn		
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích và hàm lượng bột khí; Hàm lượng mất khi nung; Độ nở sunfat; Hàm lượng: MgO; SO3; C3A; 4AF+2C3A; CKT; BaO; Mpa	TCVN 6017:2015; TCVN 6067:18; TCVN 8876:2012; BS EN 196-3:05; ASTM C187; C191; C185;C150; AASHTO T131-10; TCVN 6067:18;TCVN 6068:2020; TCVN 6820:15; ASTM C150,C452	Máy trộn, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm dây, ống đông chia vạch, khay ngâm mẫu; khuôn tạo mẫu 25x25x285mm, dụng cụ đo chiều dài, đồng hồ so, bộ sàng thí nghiệm		
	Xi măng Pooc Lãng – Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 141:2023; ASTM C114, BS EN 196-2	Cân phân tích, becher, erlen, puret, pipet, bình định mức phễu thủy tinh		
	Xác định độ nở autoclave; Xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 8877:2011; TCVN 6070:2005	Thiết bị Autoclave, máy trộn, khuôn tạo mẫu, ống đông 250ml; Nhiệt lượng kế, tủ sấy, lò nung, cân phân tích, bộ sàng thí nghiệm,		
	Xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước; độ nở thanh vữa trong dung dịch sunphat; độ giãn nở của xi măng	ASTM C452-19; ASTM C1038-19; TCVN 7713:2007, ASTM C1012-18;ASTM C151-05	Máy trộn, khuôn tạo mẫu, khay bảo dưỡng mẫu, dụng cụ đo chiều dài		
2	THỬ NGHIỆM CÁT XÂY DỰNG				
	Thành phần hạt	TCVN 7572-2 : 2006	Cân kỹ thuật, thiết bị chia mẫu, Bộ sàng thí nghiệm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khay chứa, thước kẹp, thước lá Cân kỹ thuật, thiết bị chia mẫu, Bộ	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa Võ Hữu Trung Nguyễn Đức Đông Huỳnh Văn Phương	
	Khối lượng riêng khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-4 : 2006			
	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6 : 2006			
	Hàm lượng các tạp chất (bùn, bụi, sét) và hàm lượng sét cục.	TCVN 7572-8 : 2006			

	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 :2006	sàng thí nghiệm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khay chứa, thước kẹp, thước lá kim loại	Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích Hà Thị Duyên	
	Hàm lượng ion clo (Cl-)	TCVN 7572-15 :2006			
	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14 : 2006			
3	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143-10a; BS 1881 P.102; AASHTO T119-11; BS EN 12350-2:09; JIS A 1101:05	Côn thử độ sụt, tấm nền, phễu đổ hỗn hợp, bay	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa Võ Hưu Trung Nguyễn Đức Đông Huỳnh Văn Phương Nguyễn Thị Hạnh; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích Hà Thị Duyên	
	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:22; ASTM C1170; BS EN 12350-3:09	Nhót kế Vebe, bàn rung,		
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:22; ASTM C138-12; AASHTO T121-11; BS EN 2350-6:09; JIS A1116:05; BS 1881 P.107	Cân kỹ thuật, thùng đong, thước lá 400mm		
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông; phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:22; ASTM C232-09; AASHTO T158-11; BS EN 12350-4:09; JIS A 1123:10; TCVN 3110:93	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, thanh đầm, cân kỹ thuật, sàng, thước đo, tủ sấy.		
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông; khối lượng riêng; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ chống thấm nước của bê tông.	TCVN 3111:22; ASTM C138; C137; AASHTO T152; ASTM C642-06; BS EN 12350-7:09; BS 1881 P.114; BS 1881 P.112; BS EN 12350-7:09; TCVN 3115:22;TCVN 3116:22; BS EN 12350-8:09	Bình thử bọt khí, ống hiệu chuẩn, lò xo, ống phun, que đầm; Bình khối lượng riêng, cân phân tích, búa con, tủ sấy; thùng ngâm, tủ sấy, bình hút ẩm, đá mài; Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, parafin,		
	Xác định cường độ nén; cường độ uốn; cường độ kéo khi bẻ; cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39;C42;C873; BS 1881 P.119; AASHTO T22;T140;T24; BS EN 12350-3:09; BS EN 12504-1:09; JIS A1108;A1107; TCVN 3119:22; ASTM C293;C78; JIS A 1106:06; AASHTO T97; T177; BS EN 12350-5:09; JIS A 1114:11; BS 1881 P.118; TCVN 3120:22; ASTM C496-11; AASHTO T198-09; JIS A 1113:06; TCVN 5726:22; ASTM C469-10; JIS A1127;A1149	Máy thử cường độ nén, uốn, thước lá đệm truyền tải, tấm đệm gỗ, biến dạng kế.		

	Lấy mẫu khi khoan từ cấu kiện	ASTM C42:09	Máy khoan bê tông		
	Xác định thời gian ninh kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403-08; AASHTO T197-11	Dụng cụ thử xuyên, khuôn chứa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế		
	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021	Khuôn đúc mẫu, thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật		
	Xác định độ thấm Ion Clo bằng phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012	Bơm hút chân không, thiết bị đo điện lượng, máy khoan bê tông, máy cắt		
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C131, AASHTO T96	Máy mài mòn, cân kỹ thuật, thước kẹp		
	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:2022	Khung đo, biến dạng kế, lưới thép phẳng, cân kỹ thuật, nhoe		
	Xác định hệ số thấm của bê tông	DIN 1048; CRD C48-92, EN12390-8:09; ASTM C1585-06	Vòng đệm cao su, thanh đỡ mẫu		
	Xác định độ pH; Xác định hàm lượng Sunfat	TCVN 9339:2012; TCVN 9336:2012;	Giấy quỳ tím thử PH, máy khoan mẫu, sàng, cân phân tích, ống đông; becher, erlen, puret, pipet, bình định mức phễu thủy tinh		
	Thử nghiệm từ biến của bê tông; Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C512-02; TCVN 9340:2012; ASTM C1064-05	Khuôn mẫu, thiết bị đo biến dạng; thiết bị đo nhiệt độ		
	Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (phương pháp kéo đứt); Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 9491:2012; ASTM C1583/C1583M-04; TCVN 12252:2020	Thiết bị gia tải kéo, máy khoan, đĩa khoan; máy thử cường độ nén, đệm truyền tải		
	Xác định độ chảy xoe của hỗn hợp bê tông bằng PP bàn dằn	ASTM C1611-18, BS EN 12350-5; JISA1150:07; DIN 1048; BS 1881-105	Thước đo, bàn dằn, máy trộn		
	Bê tông tự lèn, Bê tông tươi, Bê tông đông cứng	TCVN 12209:2018; BS EN 12350:2019; DIN EN 12390	Máy trộn, khuôn đúc mẫu		
4	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
	Lấy mẫu, Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và	TCVN 7572-2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566, AASHTO T19,	Cân kỹ thuật, thiết bị chia mẫu, Bộ sàng thí nghiệm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khay chứa,	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa	

	độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hông; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic; Xác định hàm lượng clorua; Xác định hàm lượng sulfat và sunfit; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình; Xác định hàm lượng mica	T27, T84, T85, T96, T255, T335, EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2, BS 812, JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A11121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302, BS EN 12620, BS EN 1744-1:2009+A1:2012	thước kẹp, thước lá kim loại	Võ Hưu Trung Nguyễn Đức Đông Huỳnh Văn Phương Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn Thị Lan; Luu Ngọc Bích Hà Thị Duyên	
	Xác định hệ số ES; Xác định chỉ số methylen xanh	ASTM D2419:91; TCVN 7572-21:2018	Bộ thí nghiệm đương lượng cát; Cân phân tích, tủ sấy, bình định mức, bình tam giác, nhiệt kế		
	Xác định độ ổn định của cốt liệu bê tông và vữa bằng $\text{Na}_2(\text{SO}_4)$; Cốt liệu nhẹ cho bê tông - sỏi, đá dăm và cát Keramzit; Xác định thành phần cỡ hạt; khối lượng thể tích, độ bền xi lanh, khối lượng mất khi đun sôi, độ hút nước, độ ẩm; Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu; Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn $75\mu\text{m}$	TCVN 7572-22:2018, ASTM C88/C88M-18; EN 1367-2; JIS A1122:2014; BS 812-121-1989, AASHTO T104; TCVN 6221:1997, BS EN 13055-1; ASTM C123-98; AASHTO T113-10, JIS A1141:2007; TCVN 9205:2012, AASHTO T11	Cân kỹ thuật, bộ sàng, khay chứa, tủ sấy, tỷ trọng kế		
5	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG				
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100-06; ASTM D854-00; ASTM D5550:06	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, tủ sấy, cối chày sứ, bơm chân không, tỷ trọng kế		
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216:10; ASTM D4959:07	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, tủ sấy, cối chày sứ, bơm chân không, tỷ trọng kế		
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; GOST-5184; AASHTO	Cân kỹ thuật, bộ sàng, khay chứa, tủ		

		T89;T90; ASTM D4318-00	sấy, tấm kính nhám, quả dọi thẳng bằng	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Võ Hưu Trung Nguyễn Đức Đông Huỳnh Văn Phương Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích Hà Thị Duyên	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88;T27;ASTM C136-06; ASTM D1140-00; ASTM D422-63	Cân kỹ thuật, bộ sàng, khay chứa, tủ sấy		
	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995; ASTM D3080-98	Máy cắt 1 mặt phẳng, hộp cắt, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực		
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12	Máy nén, thiết bị đo biến dạng, tủ sấy, cân kỹ thuật		
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; AASHTO T99;T180; ASTM D1557-02; ASTM D698-00a; BS 1377 P.4	Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu, cân kỹ thuật		
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937-71	Dao vòng, cốc thủy tinh có nắp, bình hút ẩm, tủ sấy		
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR); Xác định hệ số thấm K; Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-10; ASTM D 1883-07; BS 1377-90 P.4; JIS A1211; TCVN 8723:12; ASTM D2434:00; JIS A1218; TCVN 8724:12	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, khuôn CBR, tấm đo trương nở; Thiết bị thí nghiệm thấm, dao vòng, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, Thiết bị đo góc nghỉ, thùng chứa, bộ sàng thí nghiệm		
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:06; JIS A1216; AASHTO T208	Máy nén, máy khoan, máy cắt		
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất; Hàm lượng các ion thành phần muối hoà tan trong đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267; TCVN 8727:12; BS 1377-3-43:90	Cân kỹ thuật, cân phân tích, bình định mức, bình tam giác		
	Xác định độ thấm nước của đất bằng cách đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2024	Vòng chắn bằng thép, thiết bị cấp nước, thiết bị điều chỉnh mực nước, đồng hồ bấm giây		
	Xác định sức chống cắt của đất bằng pp cắt cánh	TCVN 8725:2012; GB/T 50123	Thiết bị cắt cánh., đồng hồ so		

	Xác định đặc trưng tan rã của đất; Xác định đặc trưng trương nở của đất; Xác định đặc trưng co ngót của đất.	TCVN 8718:2012; TCVN 8719:2012; TCVN 8720:2012	Bình Thủy tinh, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật, dao vòng lấy mẫu; Thiết bị đo trương nở, đồng hồ đo biến dạng, dao vòng chứa mẫu, dao vòng; thước cặp, dao cắt		
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850-03A/D4767; AASHTO T296:94/T234:70; BS1377:Part8:199; GB/T50123; JGS 0520:0524	Máy nén 3 trục, thiết bị đo biến dạng		
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời; Xác định đặc trưng lún ướt; hàm lượng hữu cơ tồn thất khi nung; Thí nghiệm cố kết thấm theo phương đứng; Thí nghiệm cố kết thấm theo kiểu buồng Rowe; Thí nghiệm cố kết với tốc độ hằng số không đổi (CRS)	TCVN 8721:2012; TCVN 8722:2012; AASHTO T194; ASTM D2974-00; ASTM D2435:95; BS EN ISO 17892-5; BS1377-P7:99; ASTM D4186:88	Cối đầm Proctor, búa rung điện, tủ sấy, cân kỹ thuật; Máy nén; lò nung; khay đựng mẫu		
	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đồ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2024	Vòng chắn bằng thép, thiết bị cấp nước, thiết bị điều chỉnh mực nước, đồng hồ bấm giây		
	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729 : 2012	Dao vòng, cân kỹ thuật, bộ sàng thí nghiệm, dụng cụ đào đất		
	Xác định hàm lượng muối; hàm lượng thạch cao trong đất	Phụ lục D TCVN 9436:2012; TCVN 8654:2011	Tủ sấy, cân phân tích, becher, bình định mức		
6	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
	Thử kéo; Thử uốn; Thử phá hủy mỗi hàn vật liệu kim loại – Thử uốn; Thử phá hủy mỗi hàn vật liệu kim loại – Thử nén dẹt	TCVN 197:2014; AASHTO T68-09; ASTM A370:11; ASTM E8/E8M; ISO 6892:84; JIS Z2241:11; BS EN 10002:01; AS 1302:07; TCVN 198:08; ASTM A370:11; ASTM A90/A90M; JIS Z2248:08; BS EN 4449:06; ASTM E855; AS 1302:07; TCVN	Máy kéo nén đa năng, thước đo, gổì uốn	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Đức Đông	

		5401:10; ASTM A184/A184M; TCVN 5402:10; ASTM A333/333M			
	Kiểm tra không phá hủy - PP thâm thấu	TCVN 4617:2018	Thiết bị phun xịt, xách tay, via, bàn chải		
	Kiểm tra không phá hủy - PP dùng bột từ	TCVN 4396:2018; ASTM E 709	Nam châm điện xách tay, bột từ		
	Kiểm tra mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 6735:2018; BS 3923; ASTM E164	Máy siêu âm mối hàn		
	Thử kéo bulông; Cốt thép – PP uốn và uốn lại; Thử cấp ứng lực trước- thử độ tụt nê, neo; Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông; Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo ngang, dọc	TCVN 1916:95; ASTM A370:02; ASTM D429:03; ASTM E8M:00; ASTM F606:02; TCVN 6287:97; ISO 10065:90; BS 4449:05; ASTM A416:02; 22TCN 267:00; TCVN 13711:2023; ISO 15835-2:09; TCVN 8310:10	Máy kéo nén đa năng		
	Lớp phủ mạ kẽm nóng – PP thử	TCVN 5408:07	Thiết bị đo chiều dày lớp mạ kẽm		
	Thử độ cứng vật liệu kim loại; Độ cứng Vicker; Độ cứng Rockwell; Độ cứng Brinell	TCVN 257:07; TCVN 256:06; ASTM E384-11e; ASTM E18; E10:14	Thiết bị đo độ cứng		
	Đo chiều dày lớp sơn phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5778:07; ASTM E376; ASTM D6132; D3363; ASTM B487; ASTM A90; A123; A385; JIS H0401:13	Thiết bị đo chiều dày lớp mạ kẽm		
	Thử nghiệm hệ số xiết bulong cường độ cao	JIS B1186:95	Cờ lê lực		
	Mối hàn – Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:10; ASME BPV code:2011; JIS Z3121-93; Z3040-95; AWS D1.1/D1.1M:10; AASHTO T68	Máy kéo nén đa năng		
	Bộ neo cáp cường độ cao xác định: Kích thước hình học; Độ tụt neo; Hiệu suất neo	TCVN 10568:2017; 22TCVN 247:1998; 22TCN 267:2000	Thiết bị căn cáp		
	Bu lông, vít, vít cấy thử lực cắt, Thử nghiệm cơ lý nhôm	ASTM F606M-02; TCXDVN 330:2004	Máy kéo nén đa năng		
	Xác định khả năng chịu tải trọng của nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333-3:2016; BS EN 124:2015	Khung thử tải điện tử		
	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn: Thử tính chất cơ lý: Thử kéo, thử chùng	Phục lục A TCVN 10952:2015	Máy kéo nén đa năng		

	ứng suất, thử kéo môi, thử độ bám dính với bê tông, thử tính dẻo, thử hiệu suất neo				
	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn: Thử tính chất lớp vỏ bọc: thử mù muối, thử tính chịu ẩm và khô, thử tính hoá cứng, thử tính chịu va đập, thử tính chịu hoá chất, thử tính dẻo của lớp vỏ bọc.	Phục lục B TCVN 10952:2015	Tủ khí hậu, cân kỹ thuật, Máy kéo nén đa năng		
	Tạo cáp dự ứng lực – Phương pháp xác định độ tự chùng ứng suất khi kéo	ASTM E328, ASTM A416/A416M	Thiết bị căn cáp		
	Xác định thành phần hóa học trong xây dựng dân dụng	TCVN 8998:2018; ASTM E415:2017; ASTM E1019:2008; ASTM E 1086:2008; JIS G 0320:2009; JIS G 1253:2002	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác		
	Thử va đập	TCVN 312-1:2007	Thiết bị va đập		
	Phương pháp loại bỏ sản phẩm ăn mòn của tấm mẫu sau khi thử nghiệm	ISO 8407:2009, GOST 9.907:2007	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác		
	Thử đập gãy mối hàn	BV NR 476:01	Máy kéo nén đa năng		
	Thử thủy lực ống	TCVN 1832:2008	Thiết bị thử áp lực đường ống		
	Ống kim loại: thử kéo, nén bẹp	TCVN 314:2008, TCVN 1830:2008	Máy kéo nén đa năng		
	Lớp mạ kim loại: Kiểm tra ngoại quan, chiều dày; Lớp phủ kim loại, lớp phủ kẽm nhúng nóng trên vật liệu chứa sắt - Xác định khối lượng thể tích lớp mạ trên đơn vị diện tích; Lớp phủ chống mài mòn: - Tổng chiều dày lớp phủ	TCVN 4392:1986, TCVN 7665:2007, ASTM E376-17	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác		
	Lớp phủ chống mài mòn: - Cường độ bám dính giữa lớp phủ Al-Mg với nền thép	ASTM D4541-17	Thiết bị kiểm tra độ bám dính		
	Thép dự ứng lực làm cốt bê tông, bê tông dự ứng lực trước	TCVN 7937:2013	Máy kéo nén đa năng		
7	BÊ TÔNG NHỰA				
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa	TCVN 8860-2011; AASHTO T164, T166, T172, T209, T245, ASTM D1559, D2041, D2172, D2726, D6927, EN 12697, EN 13108, BS 598	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy chiết nhựa, bộ sàng thí nghiệm, khay đựng mẫu	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Lưu Phúc Khánh; Vũ Minh Thiện	

	ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa				
	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy chiết nhựa, bộ sàng thí nghiệm, khay đựng mẫu		
	Xác định độ hằn lún vết bánh xe của mẫu bê tông nhựa	AASHTO T324-04/TP63-05/T0719:2011; BS 598:2011; EN 12697-22; EN 12697-33	Thiết bị đo độ hằn lún vết bánh xe		
	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng con lắc anh	ASTM E303/ BS 812:114, TCVN 10271:2014	Con lắc anh		
	Xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Thùng đóng, phễu, giá đỡ, cân kỹ thuật, tấm kính		
	Nhựa đường - Xác định các đặc tính lưu biến bằng lưu biến kế cắt động	TCVN 11808:2017	Lưu biến kế cắt động (DSR), tấm đĩa, buồng ổn định nhiệt		
	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa; Xác định mức độ các hạt được bao bọc trong hỗn hợp nhựa; độ hoà tan của nhựa đường trong N-Propyl Bromide; Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 12884:2020; AASHTO T 195; ASTM D7553; TCVN 13567-1:2022	Cân kỹ thuật, sàng thí nghiệm, khay đựng mẫu, tủ sấy		
8	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM; NHỰA NHỮ TƯƠNG				
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; ASTM D5-06; AASHTO T49:06	Thiết bị xuyên kim, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, đồng hồ	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Lưu Phúc Khánh; Vũ Minh Thiện	
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; ASTM D113:07; AASHTO T51-09	Khuôn thử độ kéo dài		
	Xác định điểm hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36-00; AASHTO T53-09	Vòng, tấm lót, bi, bình, khung treo, nhiệt kế		
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6-95; AASHTO T47-98	Tủ sấy, nhiệt kế, cốc mẫu		

	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; ASTM D70-09; AASHTO T228-09	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế		
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05; ASTM D2170; AASHTO T59	Nhớt kế, nhiệt kế, bể, dụng cụ đo thời gian		
	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05; DIN 52015	Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, ống nghiệm, bình erlen		
	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625-05; AASHTO T182-84	Bình thủy tinh, nhiệt kế, bếp đun		
9	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đài	22TCN 02:71; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 12791:2020; ASTM D2937; AASHTO T204	Dao vòng, cân kỹ thuật	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa Võ Hưu Trung Nguyễn Đức Đông Huỳnh Văn Phương Nguyễn Thị Hạnh; Trần Mạnh Hùng; Vũ Xuân Quý; Lưu Phúc Khánh; Vũ Minh Thiện	
	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06; ASTM D1556-00	Cân kỹ thuật, phễu rót cát		
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950; E1082	Thước 3m		
	Xác định mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cân Belkeman	TCVN 8867:11; AASHTO T256:77; ASTM D4695-96	Cân đo vòng Belkeman, xe đo vòng, Đồng hồ so		
	Xác định độ nhám mặt đường bằng pp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965-96	Ổng đóng cát, bàn xoa, thước dài 500m		
	Xác định modul đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11	Kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng		
	PP không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:12; ASTM C805; DIN 1048; JIS A1155:12	Máy siêu âm bê tông, súng bật nảy		
	Thí nghiệm nhỏ cọc, nén ngang, nén dọc	TCVN 9393:12; ASTM D3689	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12	Máy đo điện trở		
	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D4395:08	Tấm nén, kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12; ASTM D1586; AASHTO T206	Thiết bị xuyên tiêu chuẩn		
	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D3689:07; ASTM D1143	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
	Thí nghiệm (CBR) – Ngoài hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM D4429-09a	Kích thủy lực, dụng cụ đo lực		
	Đo lún công trình	TCVN 9360:2024	Thiết bị đo độ lún		

	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:14; JIS A5335; ASTM D6851:03	Kích thủy lực, dụng cụ đo lực	
	Đo áp lực nước lỗ rỗng Piezometer	TCVN 8869:11; AASHTO T252	Giếng quan trắc MNN	
	Xác định lực liên kết cốt thép trong bê tông	ASTM 6900:01	Kích thủy lực, dụng cụ đo lực	
	Xác định cấu trúc đất bằng chùy xuyên động DCP	ASTM D6851:03; DIN 0494	Thiết bị xuyên động	
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12; BS 1881-P.201	Súng bật nảy	
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:12; ASTM D6760:12	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	
	Thí nghiệm biến dạng lớn bằng phương pháp PDA	ASTM D 4945-00	Máy đo biến dạng PDA	
	Kiểm định và thử tải cầu : Thử nghiệm tĩnh và thử nghiệm động	TCN 243:98	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng	
	Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:12	Thiết bị kéo nhỏ	
	Kiểm tra lực kéo nhỏ của bulong, thép	ASTM E488:95	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng	
	Kiểm tra không phá huỷ hoại xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:09	Kính lúp, thước đo	
	Xác định sức chịu tải của đất, cát đắp nền; Thí nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép, thép neo, bulong neo; Phương pháp đẩy ngang dưới móng sâu; Cọc - Thí nghiệm cọc bằng phương pháp Osterberg (O-Cell); Chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu BTCT chịu uốn trên công trình	ASTM D1194:94; ASTM D3689-90; ASTM D3966-07; ASTM D1143/D1143M-07; TCVN 9344:2012, ASTM E2127-01A, ASTM E455-11	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng	
	Thí nghiệm dính bám của cáp DUL với vữa bơm ống gen	ASTM D981	Thiết bị đo độ bám dính	
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13536:2022; ASTM C597:09; BS 1881:203	Máy siêu âm bê tông	
	Phương pháp điện từ đo chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy đo chiều dày cốt thép	
	Xác định chỉ số CBR của nền đất-Phương pháp chùy xuyên động	TCVN 10272:2014; ASTM D6951:09; ASTM D7380; ASTM D1586	Thiết bị xuyên động	

	Đo chuyển vị, độ võng và ứng suất cọc cầu; Đo chuyển vị ngang bằng Inclimometer	TCCS 04:2011/TCĐBVN; AASHTO T254:80, ASTM D6230	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
	Xác định hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng PP thí nghiệm hút nước từ các lỗ khoan; hệ số thấm của đá bằng PP thí nghiệm ép nước vào các lỗ khoan	TCVN 9148:2012; BS EN ISO 22282-4:12; TCVN 9149:2024	Máy bơm, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mực nước		
	Thí nghiệm nén ngang trong lỗ khoan	ASTM D4719; BS EN ISO 22476-4:12	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
	Trắc địa công trình xây dựng; Quan trắc lún sâu bằng phương pháp extensometer	TCVN 9399:2012; ; TCVN 9398:2012, TCVN 9394:2012, TCVN 8215:2021; DIN 4107:2	Thiết bị quan trắc		
	Khả năng chịu lực của nền – Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (EV2); Phương pháp thử tiêu chuẩn cho các thử nghiệm tải trọng tấm tĩnh không hoạt động của đất và các thành phần vữa hệ linh hoạt, để sử dụng trong đánh giá và thiết kế vữa hệ sân bay và đường cao tốc; Đất - Quy trình thử nghiệm và thiết bị thử nghiệm Thử tải tấm	NF P 94-117-1; ASTM D1196; DIN 18134:2012	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012, ASTM D7234, C1860	Thiết bị đo độ dính bám		
	Xác định lực liên kết giữa bê tông và cốt thép	ASTM A944	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
10	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN				
	Hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng của bột chất khoáng, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, XĐ khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường, xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và	22TCN 58:84; AASHTO T27; AASHTO T100, TCVN 12884:2020	Bộ sàng thí nghiệm, cân kỹ thuật, tủ sấy	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Hà Thị Duyên	

	nhựa đường, chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng				
11	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG				
	XĐ hàm lượng không tan; XĐ hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:88; AASHTO T26-79	Tủ sấy, cân phân tích, cốc thuỷ tinh	Vũ Minh Tuấn Hà Thị Duyên	
	Xác định độ pH	TCVN 6492:11; AASHTO T26-79	Máy đo pH		
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl)	TCVN 6194:96; ASTM D512-04, BS 6068-2.37	Cân phân tích, bình định mực, bình tam giác, cốc thuỷ tinh		
	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO4)	TCVN 6200:96; ASTM D516-02			
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88			
	Xác định hàm lượng Amoni	TCVN 6179-1:96; ISO 7150-1:84 (E)			
	Xác định tổng Canxi và Magiê	TCVN 6224:96; ISO 6059:1984 (E)			
	Xác định hàm lượng NO2-	TCVN 6178:1996			
	Xác định hàm lượng NO3-	TCVN 6180:1996			
12	THÍ NGHIỆM ỐNG CỐNG VÀ CÔNG HỢP BTCT THOÁT NƯỚC				
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác, kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống cống, thử khả năng chịu tải của ống cống, thử độ thấm nước của ống cống	TCVN 9113:12, TCVN 9116:12	Kích thuỷ lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng thước lá, khung thép	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Trần văn Thái; Vũ Minh Tuấn	
13	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG				
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định hàm lượng hạt quá cỡ, Xác định điện tích hạt, Xác định độ khử nhũ, Thử nghiệm trộn với xi măng, Xác định độ dính bám và tính chịu nước, Thử nghiệm trung cất, Xác định độ bay hơi, Xác định độ bay hơi, Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit, khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817:2011; ASTM D244-04; AASHTO T59-01; 22TCN 219; 04; ASTM D5892	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng thí nghiệm, khay kim loại, ống đong, nhiệt kế	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Lưu Phúc Khánh; Vũ Minh Thiện	
	Xác định nhiệt độ bắt lửa, xác định hàm lượng nước, thử nghiệm chung cất; Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818:11; ASTM D2171; AASHTO T201	Cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế		
	Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không	TCVN 11711:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế		

	khí bằng phương pháp sấy màng mỏng				
	Chỉ số độ kim lún (PI)	Phụ lục D TCVN 13150-2:2020;	Cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, thiết bị xác định độ kim lún		
14	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY				
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, cường độ uốn, độ hút nước, xác định khối lượng thể tích, độ rỗng, vết tróc do vôi, sự thoát muối	TCVN 6355-1-:-8:2009; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng; Trần Văn Thái; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	
15	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN				
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định độ mài mòn lớp mặt, độ hút nước, độ chịu lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp bề mặt	TCVN 6065:95	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu, máy mài mòn	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng; Trần Văn Thái; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	
16	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG				
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ rỗng, Xác định cường độ nén, Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140-12a, BS EN 13748:04	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng; Trần Văn Thái; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	
17	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng; Trần Văn Thái; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	
18	THỬ NGHIỆM BENTONITE				
	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, độ pH, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, lực cắt tĩnh, tính ổn định của dung dịch	TCVN 11893:2017; ASTM D4380;D4381; ASTM D4972-95a	Bộ thí nghiệm bentonite	Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái;	
19	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, xác định độ lưu động của vữa tươi, xác định khối lượng thể tích của vữa tươi, xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi, xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi, xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đông rắn, xác định cường độ uốn và nén	TCVN 3121:2022; EN 1015:99; ASTM C1403-06; EN 445:07; ASTM C1218-99(08); ASTM C1102/C1398/C807-08; ASTM C109-11b, ASTM C1583-04; EN 1015-15:00	Máy nén vữa, máy trộn, khuôn mẫu, ống đong, cân kỹ thuật	Lê Tiến Công; Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Lưu Phúc Khánh; Vũ Minh Thiện; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	

	của vữa đã đông rắn, xác định độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền, xác định hàm lượng ion clo trong nước, xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn				
	Thử nghiệm vữa xi măng khô trộn sẵn không co, xác định: độ chảy, thay đổi chiều dài vữa đã đông rắn, chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, độ tách nước, cường độ chịu nén	TCVN 9204:12; ASTM C939-10; EN 445-07; ASTM C157-08; ASTM C827-10; ASTM C940-10A; ASTM C942, ASTM C579	Máy nén vữa, máy trộn, khuôn mẫu, ống đông, cân kỹ thuật		
	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; độ lưu động; khả năng giữ độ lưu động; thời gian bắt đầu đông kết; cường độ nén; cường độ bám dính; hàm lượng ion tan trong nước, thời gian điều chỉnh; hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011	Máy nén vữa, máy trộn, khuôn mẫu, ống đông, cân kỹ thuật, Thiết bị đo độ bám dính		
	Thí nghiệm bột bả tường; Xác định độ mịn; khối lượng thể tích; thời gian đông kết; độ cứng bề mặt; độ bám dính với nền; độ bền nước	TCVN 7239:2014	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thiết bị đo độ bám dính		
	Thí nghiệm vữa, keo dán gạch; xác định thời gian nở; độ trượt, cường độ bám dính khi cắt, kéo, độ bền hoá	TCVN 7899-2:2008; ISO 13007-2:2005	Thiết bị kéo nén trực tiếp, thước thẳng, kẹp, quả cân		
	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan toả, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 447-2007	Ống đông, cân kỹ thuật, cân, ống đông, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây		
20	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP (AAC); GẠCH BÊ TÔNG BỘT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP				
	Xác định hình dạng, kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định khối lượng thể tích khô, xác định cường độ nén, xác định độ co khô, xác định độ hút nước, xác định độ thẳng cạnh độ thẳng mặt, xác định độ vuông góc, xác định hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái; Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	
21	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGỒI LỘP				
	Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, xác định thời gian xuyên nước, xác định	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	

	khối lượng 1m2 ngói bão hoà nước				
22	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HOÁ HỌC CHO BÊ TÔNG, PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH				
	Phụ gia hoá học cho bê tông xác định: Hàm lượng chất khô; Khối lượng riêng; Hàm lượng ion clo; độ Ph; Hàm lượng tro; Hàm lượng kiềm có hại cho phụ gia, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co bê tông	TCVN 8826:2024; ASTM C311-11; JIS A6201:99; EN 14277:2004; ASTM C494/C494M, ASTM C1141:2006, ASTM C266-200, BS EN 480	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác, tủ sấy, máy đo pH, máy chuẩn độ điện thế	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Lưu Phúc Khánh Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích Hà Thị Duyên	
	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn xác định: Lượng sót sàng 45,80mm, Hàm lượng SO3; Hàm lượng kiềm có hại cho phụ gia; Tổng hàm lượng các oxit SiO2 + Al2O3 + Fe2O3; Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 8825:2011; ASTM C311-11; JIS A6201:99; EN 14277:2004	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác, tủ sấy, bộ sàng thí nghiệm		
	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa – SILICAFUME và tro trấu nghiền mịn xác định: Lượng sót sàng 45; Hàm lượng SO2; Hàm lượng mất khi nung; Độ ẩm; Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 8827:2011; ASTM C311-11; JIS A6201:99; EN 14277:2004	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác, tủ sấy, bộ sàng thí nghiệm		
23	ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH VÀ HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT				
	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hoá học hoặc gia cố có tổng hợp xác định: Cường độ kháng ép (cường độ nén); Độ bền chịu ép chệ; Modun đàn hồi; Độ ẩm tối ưu cho đất gia cố bằng xi măng (Độ ẩm PP khô và ướt, độ bền theo thời gian)	TCVN 10379:2014; ASTM D1633:96; TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013; ASTM D559:96; ASTM D560:96	Máy kéo nén đa năng, đồng hồ đo biến dạng, tủ ổn nhiệt, nhiệt kế	Trần Văn Quang Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Võ Hữu Trung; Trần Văn Thái; Nguyễn Đức Đông; Huỳnh Văn Phương Nguyễn Thị Lan; Lưu Ngọc Bích	
	Gia cố nền đất yếu – Phương pháp trụ xi măng đất	TCVN 9403:2012	Cân kỹ thuật, thiết bị trộn		
24	CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI				
	Xác định độ lọt khí, độ kín nước, độ bền áp lực gió, độ bền góc hàn thanh profile U-PVC, lực đóng, thử nghiệm đóng và mở lại	TCVN 7452:2021	Buồng thử, bộ chuyển đổi áp suất, lưu lượng kế, đồng hồ đo áp suất	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
25	TẤM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG				
	Xác định khuyết tật ngoại quan, lực uốn gãy, khối lượng thể tích, thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000	Thiết bị thử tải, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
26	HỆ CHẤT KẾT DÍNH GÓC NHỰA EPOXY CHO BÊ TÔNG				

	Xác định độ nhót, độ chảy sệt, thời gian tạo gel, cường độ dính kết, độ hấp thụ nước sau 24 giờ, nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng uốn, khả năng thích ứng nhiệt, hệ số co ngót sau khi đông rắn, cường độ chịu nén ở điểm chảy, Modul đàn hồi khi nén ở 7 ngày, cường độ chịu kéo ở 7 ngày, độ giãn dài khi đứt, cường độ liên kết	TCVN 7951:2008,TCVN 7952:2008, ASTM C881-20, C884-16, C1404-98(2003); D570- 98(2018); D638-14; D648-18; D695-15; D2393-86	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu, cốc thủy tinh	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
27	BÊ TÔNG CHỊU NHIỆT				
	Xác định khối lượng thể tích sau khi nung; Xác định cường độ nén sau khi nung; Xác định độ thay đổi chiều dài sau khi nung	ASTM C 134-95 (2016); ASTM C 133-97 (2015); ASTM C 113-14	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, lò nung	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
28	XI MĂNG GIA CƯỜNG CỐT SỢI THỦY TINH				
	Xác định độ chảy của vữa, hàm lượng cốt sợi trong hồ hợp vữa, cường độ uốn, độ hút nước, khối lượng riêng, biến dạng ẩm, độ bền khí hậu	BS EN 1170	Cân kỹ thuật, tủ khí hậu, tủ sấy	Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Trần Văn Thái; Lưu Phúc Khánh	
29	HÀO KỸ THUẬT BÊ TÔNG CỐT THÉP				
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật, kích thước, độ vuông góc. Xác định khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải đứng	TCVN 10332:2014	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng, thước đo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
30	MATIT CHÈN KHE				
	Xác định độ côn lún, độ bám dính không ngâm, độ bám dính sau khi ngâm, độ lún đàn hồi, độ lún đàn hồi sau lão hóa nhiệt, tính tương thích với nhựa	TCVN 9973:2013, TCVN 9974:2013; ASTM D5893	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thiết bị đo độ bám dính, tủ sấy	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Xác định điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, khung treo, bình		
31	CÁP THÉP THÔNG DỤNG				
	Xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368 : 1998	Máy kéo nén đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
32	TẤM XI MĂNG SỢI				
	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc, cường độ chịu uốn, khối lượng thể tích biểu kiến, độ co giãn ẩm, độ bền chu kỳ nóng lạnh, khả năng chống thấm nước, độ bền nước	TCVN 8259-1 :-9:2009 TCVN 8258:2009	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, thước đo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	

	nóng, độ bền băng giá, độ bền mưa nắng				
33	TẤM SỢI CARBON				
	Độ dày, Ứng suất kéo đứt, Modul đàn hồi	ASTM D3039/3039M	Máy kéo nén đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
34	XỐP				
	Xác định khối lượng riêng, lực đạt được khi nén mẫu xuống 50% chiều cao ban đầu, độ đàn hồi đạt được khi nén mẫu xuống 50% chiều cao ban đầu	ASTM D545	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
35	PHỤ GIA CHỐNG THẨM GỐC XI MĂNG				
	Xác định cường độ bám dính, độ bền kéo, độ chống thấm dưới áp lực thủy tĩnh 150 kPa trong 7 ngày, Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện tiêu chuẩn, mức độ truyền hơi nước	BS EN 14891; BS EN 13578, ASTM C836, ASTM E96	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, thiết bị đo độ bám dính	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
36	PHỤ GIA HOẠT TÍNH TRO BAY, PHỤ GIA KHOÁNG XI MĂNG, PHỤ GIA CÔNG NGHỆ CHO SẢN XUẤT XI MĂNG				
	Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 8262 : 2009, TCVN 10302:2014, TCVN 6882:2016, TCVN 8878:2011, BS EN 450:2012	Cân phân tích, tủ sấy, bình định mức, bình tam giác	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý; Hà Thị Duyên	
37	AMIĂNG CRIZÔTIN ĐỂ SẢN XUẤT TẤM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG				
	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm, độ bền axit, xác định lượng sót trên sàng và lượng lọt sàng	TCVN 9188:2024	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, bộ sàng thí nghiệm	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý;	
38	THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) POLY (VINYL CLORUA) KHÔNG HOÁ ĐỀO (PVC-U) DÙNG ĐỂ CHẾ TẠO CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI				
	Xác định độ bền va đập bị rơi của thanh profile chính	BS EN 477	Thiết bị va đập	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Xác định ngoại quan sau khi lưu hoá nhiệt ở 150 ⁰ C	BS EN 478	Tủ sấy		
	Xác định độ ổn định kích thước sau khi lưu hoá nhiệt ở 150 ⁰ C	BS EN 479	Tủ sấy, thước đo		
	Xác định độ bền góc hàn thanh profile	TCVN 7452-4:2004	Thiết bị thử tải		
39	TẤM ỐP NGOÀI TRỜI PVDF				
	Xác định độ bền uốn, mô đun đàn hồi	ASTM D790	Máy kéo nén đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Xác định lực chịu xuyên, ứng suất cắt	ASTM D732	Máy kéo nén đa năng		
	Xác định lực chịu bóc ở 180	ASTM D903	Máy kéo nén đa năng		
40	SỢI THUỶ TINH				

	Xác định độ ẩm, khối lượng dài, hàm lượng chất kết dính, đường kính trung bình, độ xe của sợi, lực kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7739-1-:-6:2007	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, tủ sấy	Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý;	
41	VÔI CANXI CHO XÂY DỰNG				
	Xác định hàm lượng Cao+MgO hoạt tính, hàm lượng nước thủy hoá, hàm lượng CO2, tốc độ tôi vôi, nhiệt độ tôi vôi, lượng sót sàng, độ ẩm của vôi hydrat, hàm lượng hạt không tôi được, độ nhuyễn của vôi tôi, khối lượng thể tích của vôi tôi	TCVN 2231:2016	Cân phân tích, tủ sấy, bình định mức, bình tam giác	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý;	
	Xác định hàm lượng MgO, SiO2+Al2O3+FeO3	TCVN 9191:2012	Cân phân tích, tủ sấy, bình định mức, bình tam giác		
42	TẤM LẤY SÁNG POLYCARBONATE				
	Cường độ chịu kéo tại điểm uốn, Độ giãn nở tới đứt, Khả năng chịu lực rơi từ vật nặng, Hệ số giãn nở	ASTM D5638, ASTM D5639, ASTM D5420, ASTM D696	Máy kéo nén đa năng, Thiết bị gắn vật nặng, Máy đo độ giãn nở silic thủy tinh	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
43	VẬT LIỆU BẢO VỆ BỀ MẶT BÊ TÔNG				
	Xác định tỷ trọng, độ pH, độ thấm hơi nước, độ bám dính, độ bền hoá chất, độ thâm nhập, độ hút nước, độ bền kiềm, độ bền va đập	TCVN 11839:2017, BS EN 1504-2; BS EN 1062:2004, BS EN 13529:2003	Máy đo pH, thiết bị đo độ dính bám	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Vũ Xuân Quý;	
44	TẤM ỐP, LỢP COMPOSIT NHỰA - NHÔM				
	Kiểm tra kích thước, sai lệch cho phép, khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn, mô đun đàn hồi, lực kháng xuyên, nhiệt độ làm biến dạng tấm	TCVN 12513-4:2018, GB/T 17748-2016, ASTM D648-18, D732-17, D790-17	Máy kéo nén đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
45	CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM				
	Xác định kích thước, mức sai lệch cho phép; kiểm tra ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016; JIS A5309-1995	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng, thước đo	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
46	BỐ VỈA BÊ TÔNG				
	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng, thước đo	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
47	MƯƠNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THÀNH MỎNG ĐÚC SẴN				
	Kiểm tra ngoại quan, kích thước, khả năng chống thấm nước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ, khả năng chịu tải	TCVN 6394:2014	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng, thước đo	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
48	ĐẤT SÉT TRONG XÂY DỰNG				

	Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 7131:2016	Cân phân tích, tủ sấy, bình định mức, bình tam giác	Vũ Minh Tuấn;	
49	ĐẤT, ĐÁ DẪM DÙNG TRONG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG				
	Đảm nén Proctor	TCVN 12790:2020	Cối, chày đầm, khay đựng mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Võ Hữu Trung	
50	BÊ TÔNG CƯỜNG ĐỘ CAO				
	Thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014	Máy nén, khuôn mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
51	NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG TRUNG TÍNH				
	Độ nhớt Engler ở 25°C; Lượng hạt quá cỡ, thử nghiệm sàng 1,18mm; Thử nghiệm trộn với xi măng; Độ ổn định lưu trữ; Hàm lượng nhựa (thử nghiệm theo phương pháp bay hơi); Độ kim lún ở 25°C; Độ hòa tan trong ToIuen	JIS K 2208	Cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, thiết bị xác định độ kim lún	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Vũ Xuân Quý	
52	THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT, GẠCH GRANITE				
	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích, xác định độ bền uốn và lực uốn gãy, xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi, xác định độ chịu mài mòn (sâu) đối với gạch không phủ men), xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men, xác định hệ số giãn nở nhiệt dài, xác định độ bền sốc nhiệt, xác định hệ số giãn nở ẩm, xác định độ rạn men đối với gạch men, xác định độ bền băng giá, xác định độ bền hoá học, xác định độ bền chống bám bẩn, xác định độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men, xác định sự khác biệt nhỏ về màu, xác định hệ số ma sát, xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN 6415:2016; ISO 10545:95; TCVN 13113:2020	Cân kỹ thuật, máy kéo nén đa năng, máy mài mòn, tủ sấy, bể ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
53	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO				
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước bề mặt, độ	TCVN 7744:2013	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	

	chịu mài mòn, độ bền uốn, hệ số ma sát				
54	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT				
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích, xác định độ bền uốn, xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016, TCVN 6415:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu, máy mài mòn	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng; Trần Văn Thái;	
55	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ, GỖ VÁN ÉP				
	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý; Xác định khối lượng thể tích; Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh; Xác định giới hạn bền khi nén vuông góc với thớ gỗ; Xác định ứng suất kéo song song với thớ gỗ; Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ gỗ; Xác định ứng suất cắt song song với thớ gỗ; Xác định độ bền cắt song song với thớ gỗ xẻ; Xác định độ bền khi uốn va đập; Xác định độ cứng va đập; Xác định độ co rút của gỗ theo phương xuyên tâm, tiếp tuyến; Xác định độ co rút thể tích của gỗ; Xác định độ dẫn nở của gỗ theo phương xuyên tâm, tiếp tuyến; Xác định độ dẫn nở thể tích của gỗ;	TCVN 8048-9:2009; TCVN 13707:2023	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, tủ sấy	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh	
	Ván gỗ nhân tạo: Xác định kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh, xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích, xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước, xác định mô đun đàn hồi sau khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh, xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván, xác định độ bền ẩm, xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán, xác định độ bền bề mặt, xác định lực bám giữ đinh vít, xác định hàm lượng Formadehyt.	TCVN 7756-9:2007; TCVN 11903-9:2017; TCVN 11903:2017; TCVN 11904:2017; TCVN 11905:2017; TCVN 11906:2017; TCVN 12445:2018; TCVN 12446:2018; TCVN 12447:2018; TCVN 11907:2017	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, tủ sấy		
56	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM				
	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09; ASTM D5199:12	Thiết bị đo độ dày	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng	

	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:09; ASTM D5261:10; ASTM D1505:03	Cân kỹ thuật	Trần Văn Thái;	
	Xác định độ bền chịu kéo và độ giãn dài, sức chọc thủng bằng pp rơi côn, khả năng chống xuyên (CBR), ường độ xé rách hình thang, lực kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật, lực kháng xuyên thủng thanh, áp lực kháng bụi	TCVN 8485:2010; ASTM D4595-11; ASTM D4632-96; TCVN 8484:2010; BS 6906 P6:97; TCVN 8871-3:11; ASTM D4833-91; ASTM D6241:00; TCVN 8871-2:11; ASTM D4533-11; ASTM D5494:99; TCVN 8871:11	Máy kéo nén đa năng		
	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010	Thiết bị đo độ dẫn nước, đồng hồ bấm giây		
	Khả năng thoát nước tại áp lực 10kPa và gradien thủy lực $i=0.5m3/s$; Khả năng thoát nước tại áp lực 300 kPa và gradien thủy lực $i=0.5m3/s$	ASTM D4716:03	Thiết bị đo khả năng thoát nước		
	Xác định độ thấm xuyên, xác định khả năng thấm của vải địa kỹ thuật	TCVN 8487:2010; ASTM D4491:99	Máy thấm		
	Xác định kích thước lỗ lọc của vải bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:11; ASTM D4751	Sàng tiêu chuẩn		
	Xác định kích thước lỗ lọc của vải bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010	Sàng tiêu chuẩn		
	Xác định khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ, độ ẩm	TCVN 8482:2010; ASTM D5035, ASTM D4355	Máy kéo nén đa năng, thiết bị chiếu tia cực tím		
	Xác định lực ma sát bằng pp cắt trực tiếp, cường độ chịu kéo của mỗi nối, cường độ chỉ khâu vải	ASTM D5321:98; TCVN 9138:2012, ASTM 2256, ASTM D4884; TCVN 9844:2013	Máy kéo nén đa năng		
57	THỬ NGHIỆM TẤM TRẢI CHỐNG THẤM				
	Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt; Độ bền chọc thủng động; Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9067-1,2,3:2012, EN 1110; ASTM D2523; ASTM D5636:98; EN129697; ASTM D5147	Máy kéo nén đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Xác định độ thấm nước dưới áp suất thủy tĩnh	TCVN 9067-4:2012; ASTM D5441; EN 1928	Máy thấm		
58	THỬ NGHIỆM MÀNG CHỐNG THẤM				
	Xác định độ kéo, độ giãn dài, cường độ xé rách	ASTM D6693; EN 12311, ASTM D1004	Máy kéo nén đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng	

	bền điện áp, điện trở cách điện				
	Chiều dày, độ bền kéo, độ dẫn dài của lớp cách điện XLPE, PVC	TCVN 5935:2013; IEC 60502:2009	Máy kéo nén đa năng		
	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang xác định: Chiều dày, kích thước; Lão hoá nhiệt; Thử nghiệm ở nhiệt độ thấp; thử nghiệm tính kháng ozon, thử nghiệm kéo dẫn trong lò nhiệt và thử nghiệm ngâm trong dầu khoáng	TCVN 6614:2008; IEC 60811	Tỷ trọng kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt		
	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007	Thiết bị đo điện trở, thước đo		
	Xác định tính chất ống, máng luồn dây và phụ kiện	IEC 61386, BS EN 50085; BS 4568-1-1970; BS EN 50086, BS EN 61386, JIS C8305, UL 797-2007	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật		
	Thử cháy	TCVN 9618:2013, TCVN 6613:2010	Nguồn nhiệt, bộ điều khiển lưu lượng		
	Xác định độ bền va đập, khả năng chịu nhiệt, chịu ăn mòn, khả năng chịu lửa của phụ kiện lắp đặt bằng nhựa	BS EN 4607:1984	Nguồn nhiệt, bộ điều khiển lưu lượng, lò nung		
	Xác định đường kính sợi đồng, điện trở cách điện, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi đồng, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của vỏ cách điện, khả năng chống nứt của vỏ cách điện, biến dạng của vỏ cách điện, điện trở 1 chiều của ruột dẫn	TCVN 8090:2009	Máy kéo nén đa năng, cân kỹ thuật, máy đo điện trở		
62	THỬ NGHIỆM NGÓI TRẮNG MEN				
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2023	Thước đo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh	
	Xác định độ hút nước, tải trọng uốn gãy, khối lượng một met vuông ngói ở trạng thái bão hoà nước	TCVN 4313:2023	Máy kéo nén đa năng, hộp ngâm mẫu, cân kỹ thuật		
	Xác định độ bền rạn men, độ bền hoá của men	TCVN 6415:2016	Nồi hấp		
63	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, ỐNG VÀ PHỤ TÙNG NỔI BẰNG PVC, ỐNG NHỰA XOẮN HDPE				
	Xác định kích thước của hệ thống ống nhựa nhiệt dẻo	TCVN 6145:2007	Thước đo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng	

	Xác định độ bền áp suất trong	TCVN 6149:2007	Thiết bị thử độ bền áp suất	Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh
	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003	Thiết bị thử va đập	
	Nhiệt độ hoá mềm Vicat	ASTM D1525	Tủ sấy, nhiệt kế	
	Ống PVC dùng để cấp nước uống: xác định hàm lượng chiết ra được của chì và thiết	TCVN 6146:1996	Cân phân tích, hộp ngâm mẫu	
	Ống PVC dùng để cấp nước uống: xác định hàm lượng chiết ra được của chì và thiết	TCVN 6140:1996	Cân phân tích, hộp ngâm mẫu	
	Ống và phụ tùng nối bằng PVC xác định: Kích thước, độ bền với áp suất bên trong, độ bền va đập bên ngoài, nhiệt độ hoá mềm Vicat	TCVN 8491:2011	Thiết bị thử độ bền áp suất, thiết bị thử va đập	
	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434:2004	Máy kéo nén đa năng	
	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch; Độ bền của ống trong môi trường hoá chất; Độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống; Áp lực trong của ống	TCVN 11821:2017; TCVN 8699:2011; ASTM D1525	Máy kéo nén đa năng, thước đo, ống đong	
	Xác định độ cứng ống	ASTM D 2412	Máy kéo nén đa năng	
	Tác động của axit sunfuric	TCVN 6037:1995	Cân kỹ thuật, bình ngâm mẫu, bể gia nhiệt	
	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007	Tủ sấy, bể gia nhiệt	
	Nhiệt độ hoá mềm vicat	TCVN 6147:2003	Bể điều nhiệt, đĩa đỡ tải trọng, thanh đỡ, mũi kim loại	
	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011	Máy kéo nén đa năng	
64	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG			
	Kính tấm, kính cán vân hoa, kính dán nhiều lớp xác định: Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước; độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 7527-2005; TCVN 7364-2018	Thước đo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh
	Xác định độ bền va đập bi rơi; Xác định độ bền va đập con lắc; Xác định lượng mảnh vỡ (kiểm tra phá mẫu vỡ)	TCVN 7368:2013; TCVN 7455:2013	Thiết bị thử va đập	
	Xác định ứng suất bề mặt	TCVN 8261:2009	Thiết bị đo ứng suất	
	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp phương pháp thử độ bền;	TCVN 7364-4,5,6:2018	Thước đo, tủ sấy	

	Kích thước và hoàn thiện cạnh; Ngoại quan				
	Kính phủ phản quang xác định: Kích thước; Khuyết tật ngoại quan; Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời; Độ bền mài mòn	TCVN 7528:2005	Máy quang phổ, máy mài mòn, thước đo		
	Xác định độ xuyên quang, độ phản quang, tổng năng lượng bức xạ mặt trời truyền qua và độ xuyên bức xạ từ ngoại	TCVN 7737:2023	Máy quang phổ		
	Kính hộp gắn kín cách nhiệt: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước, đo điểm sương, thử độ kín, độ cách nhiệt toàn phần	TCVN 8260:2009	Tủ khí hậu, tủ sấy, thước đo		
65	SƠN VÀ VECNI				
	Xác định độ dày màng sơn	TCVN 9760:2013, TCVN 9406:2012, ASTM E376:2019	Thiết bị đo chiều dày		
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 10237-1 -:- 4:2013	Cân phân tích, Pyknometer kim loại, nhiệt kế, buồng kiểm soát nhiệt độ		
	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:2013	Máy lý tâm, bình cầu, bình hút ẩm, cân kỹ thuật		
	Thử uốn	TCVN 2099:2013, ASTM D522-17	Thiết bị thử uốn, tấm nền		
	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013, GOST 8420-74	Phễu chảy		
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi	TCVN 10370:2014, GOST 17537-72, ISO 11890-2:2013	Tủ sấy, cân kỹ thuật	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh	
	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 10519:2014, TCVN 10518:2014	Tủ sấy, cân kỹ thuật		
	Xác định thời gian sống của hệ sơn đa thành phần	GOST 27271-87	Bình ngâm mẫu		
	Biến dạng nhanh (độ bền va đập)	TCVN 2100:2013	Thiết bị thử tải trọng rơi, kính phóng đại		
	Xác định độ bóng phản quang của màng sơn ko chưa kim loại	TCVN 2101:2016	Thiết bị đo độ bóng		
	Phép thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007	Con lắc Persor		
	Xác định độ chịu mài mòn bằng thiết bị Taber	TCVN 11474:2016	Thiết bị Taber		
	Xác định độ bền với chất lỏng	TCVN 10517:2014	Cân kỹ thuật, tủ sấy, pipet, buret		

	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại: Xác định độ mất màu, độ tích bụi, độ tích bụi (sau khi rửa nước), độ thay đổi độ bóng, độ mài mòn, độ rạn nứt, độ đứt gãy, độ phồng rộp, độ tạo vảy và bong nước, độ phân hóa, độ phân hóa, mức độ phát triển của nấm và tảo.	TCVN 8785-1 :- 14:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình ngâm mẫu, máy màu mòn		
	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại: Phương pháp thử mù muối	TCVN 8792:2011	Thiết bị phun sương		
	Đánh giá sự suy biến của lớp phủ	TCVN 12005-1 :- 10:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình ngâm mẫu,		
	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012, ASTM D2247-02, ASTM D2485-91	Tủ nhiệt ẩm, bộ gia nhiệt, nhiệt kế		
	Xác định độ cứng bút chì	JIS K 5600-5-4:99, ASTM D3363	Giá đỡ bút chì		
	Xác định ảnh hưởng của nhiệt	TCVN 9762:2020; ISO 3248:1998	Cân kỹ thuật, tủ sấy		
	Xác định độ nhớt, độ ổn định biến dạng nhiệt	TCVN 9879:2013, ASTM D562	Nhớt kế, cốc đựng mẫu, nhiệt kế		
	Xác định tỷ trọng	ASTM D1475-13	Tỷ trọng kế		
	Xác định pH	ASTM E70-07	Máy đo pH		
	Xác định khả năng kháng kiềm, kháng acid	JIS K 5400:1990	Cân kỹ thuật, bình ngâm mẫu		
66	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - SƠN BITUM CAO SU				
	Xác định độ mịn, độ nhớt quy ước, độ phủ, thời gian khô, độ bám dính của màng trên nền bê tông, độ chịu nhiệt, độ xuyên nước, độ bền lâu	TCVN 6557:2000	Tấm nền, kính lúp, nhiệt kế, bếp điện	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
67	SƠN EPOXY				
	Xác định tính ổn định trong thùng chứa, tính đồng nhất, độ mịn, thời gian khô, khả năng thi công sơn, bề ngoài màng sơn, thời gian sống, độ bóng, độ bền va đập, khả năng chịu kiềm, khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối, độ bền mù muối, hàm lượng chất không bay hơi, xác định tính nhựa epoxy, độ bền thời tiết	TCVN 9014:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, tấm nền, nhiệt kế, thiết bị chưng cất	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
68	MÀNG CHỐNG THẤM PVC				
	Độ dày, Cường độ chịu kéo, Độ dài khi đứt, Cường độ chịu nén tại thời điểm biến	DIN 53370, DIN 53455, DIN 53454, DIN 53363,	Thiết bị đo chiều dày, Máy kéo nén đa năng, Thiết bị tạo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	

	dạng 20%, Cường độ lan truyền xé rách, Sức kháng dưới áp lực nước, Cường độ chịu kéo của mối hàn, Ổn định kích thước khi tiếp xúc không khí ẩm, Độ hấp thụ nước, Sức kháng chống axit và các dung dịch kiềm, ở 28 ngày, Độ chịu lửa	DIN 16726, DIN 53495, DIN 4102/1.	áp lực nước, Cân kỹ thuật, cốc ngâm mẫu, Nguồn nhiệt, phòng thử nghiệm		
69	BÊ TÔNG KHÔNG CO, VỮA KHÔNG CO				
	Vật liệu đổ vữa gốc xi măng	GB/T 50448-2015	Cân kỹ thuật, máy trộn, tủ sấy	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh	
70	THANH CHÈN KHE				
	Cường độ chịu kéo, Độ hút nước theo thể tích, Lực hồi phục, Độ co rút, Kháng nhiệt, Tỷ trọng tối đa	ASTM D1623, ASTM C1016, ASTM D1622	Máy kéo nén đa năng, Cân kỹ thuật, tủ sấy, cốc ngâm mẫu	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái; Lê Văn Sa; Lưu Phúc Khánh	
71	THÉP CỐT BÊ TÔNG (Thép gai và thép tròn trơn)				
	Khối lượng trên 1 m dài và sai lệch cho phép	TCVN 1651: 2018	Máy kéo nén đa năng, thước đo, cân, gối uốn	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Khả năng chịu kéo (Giới hạn chảy,bền)	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010			
	Khả năng chịu uốn	TCVN 198:2008 TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010			
	Độ giãn dài	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010			
72	THÉP CACBON CÁN NÓNG, CÁN NGUỘI (thép hình, ống thép, thép tấm...)				
	Xác định thành phần hóa	TCVN 1821 : 2009 hoặc tương đương	Phân tích hóa	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Khả năng chịu kéo (Giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài)	TCVN 197-1: 2014 hoặc tương đương	Máy kéo nén đa năng, thước đo		
	Khả năng chịu uốn hoặc nén bẹp	TCVN 198: 2008 hoặc tương đương			
	Độ dai va đập của thép	TCVN 312-1:2007 hoặc tương đương	Máy va đập		
73	BU LÔNG VÀ CÁC VẬT LIỆU HỆ REN				
	Kích thước hình học	ASTM A370:2021;	Máy kéo nén đa năng, thước đo	Lê Tiến Công Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Cơ tính vật liệu chế tạo bu lông (Theo yêu cầu thiết kế của dự án).	TCVN 197-1:2011 (Hoặc tương đương theo tiêu chuẩn mà NSX công bố)			
	Giới hạn bền				
74	CUPLER				
	Xác định giới hạn bền kéo của mối nối	TCVN 13711-1:2023	Máy kéo đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Văn Thái;	
75	VỮA XI MĂNG TRỘN SẴN KHÔNG CO NGÓT: SIKA GROUT 214...				
	Độ tách nước	TCVN 9204:2012	Khuôn đúc, bàn xòe, thước, máy	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng	
	Độ chảy xòe				

	Cường độ nén của vữa đã đông rắn 3 ngày, 7 ngày, 28 ngày		nén...	Trần Văn Thái;	
	Thay đổi chiều dài mẫu vữa đông rắn ở các tuổi 1, 3, 7, 14, 28 ngày				
76	VỮA, KEO DÁN GẠCH GÓC XI MĂNG				
	Xác định thời gian mở	TCVN 7899-2:2008 (ISO13007-2)	Đồng hồ, Máy kéo bám dính, thanh trực, thước đo...	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Xác định cường độ bám dính khi kéo				
	Xác định cường độ bám dính sau khi ngâm nước				
	Xác định cường độ bám dính sau khi gia nhiệt				
	Xác định độ trượt				
	Xác định biến dạng ngang				
77	NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM ĐỊNH HÌNH				
	Độ bền kéo, MPa, không nhỏ hơn	TCVN 197-1: 2014 hoặc TC tương đương	Máy kéo đa năng	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Liên kết Hóa	
	Độ giãn dài nhỏ nhất	TCVN 197-1: 2014 hoặc TC tương đương			
	Thành phần hoá học	TCVN 12513-7:2018	Phân tích hóa		
78	INOX				
	Xác định thành phần hóa học	JIS G1253:2013 hoặc theo TC tương ứng	Phân tích hóa	Liên kết Hóa	
79	VÁN MDF/ VÁN DẪM				
	Xác định kích thước	TCVN 11904:2017 hoặc TC tương ứng	Thước	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017 hoặc TC tương ứng	Tủ sấy, cân...		
	Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm trong nước	TCVN 12445:2018 hoặc TC tương ứng	Thước đo, thùng ngâm mẫu		
	Độ bền uốn tĩnh, modun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 12446:2018 hoặc TC tương ứng	Máy đa năng		
	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018 hoặc TC tương ứng	Máy kéo bám dính...		
	Độ bền bề mặt (Đối với ván dăm)	TCVN 11906:2017 hoặc TC tương ứng			
80	VÁN SÀN GỖ NHÂN TẠO				
	Xác định kích thước (chiều dày)	TCVN 11950-2018 ISO 24366-2005	Thước, Thước đo, thùng ngâm mẫu, Máy kéo bám dính, Máy mài mòn bề mặt, Tủ sấy...	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ trương nở chiều dày	TCVN 11950-2018 ISO 24366-2005			
	Độ bền bề mặt, MPa, không nhỏ hơn	BS EN 13329-16 Annex D			
	Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm	BS EN 13329-16 Annex C			
	Độ mài mòn bề mặt	BS EN 13329-16 Annex E			
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 5694:2014			
81	SƠN TƯỜNG (NHỮ TƯỜNG)				
	Độ rửa trôi sơn phủ ngoại thất, nội thất	TCVN 8653:2024	Máy rửa trôi màng sơn, Tủ sấy, thùng	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng	

	Độ bền chu kỳ nóng lạnh (đối với sơn phủ ngoại thất)		đựng mẫu, dụng cụ cắt ô, đồng hồ...	Trần Văn Thái;	
	Độ bền của lớp sơn phủ theo phép thử cắt ô, loại, không lớn hơn (áp dụng cho sơn phủ ngoại thất và nội thất)	TCVN 2097:2015			
	Thời gian khô	TCVN 2096:2015			
82	BỘT BẢ TƯỜNG GỐC XI MĂNG POỐC LĂNG				
	Cường độ bám dính 1. Ở điều kiện chuẩn 2. Sau khi ngâm nước 72h 3. Sau khi thử chu kỳ sốc nhiệt (đối với bột bả ngoại thất)	TCVN 7239:2014	Máy kéo bám dính, thùng ngâm mẫu, tủ nhiệt...	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
83	SƠN ALKYD				
	Độ bám dính, điểm, không lớn hơn	TCVN 2097: 2015		Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ bền uốn, mm, không lớn hơn	TCVN 2099: 2013	Dụng cụ cắt ô, máy đa năng, dụng cụ thử va đập		
	Độ bền va đập, kG.cm, không nhỏ hơn	ISO 6272-2: 2011(a)			
84	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC XIMĂNG- POLYME				
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước			Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt				
	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường	BS EN14891:2017	Máy kéo bám dính, khuôn đúc mẫu cầu nứt, máy thử thấm...		
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar/7 ngày				
85	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC POLYUTHANE (PU)				
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	ASTM D7234		Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ cứng Shore A	ASTM D2240	Máy kéo bám dính, máy đo độ cứng Shore A, máy kéo đa năng, máy thử thấm..		
	Độ giãn dài	ASTM D412			
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1 5bar/7 ngày	BS EN 14891:2017			
	Độ bền xé rách (áp dụng cho loại VL 1 thành phần)	ASTM 624			
86	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC POLYUREA				
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	ASTM D4541		Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ cứng Shore A	ASTM D2240	Máy kéo bám dính, máy đo độ cứng Shore A, máy kéo đa năng, máy thử thấm..		
	Độ giãn dài	ASTM D412-16a			
	Độ bền kéo (N/5cm)	ASTM D412-16a			
	Độ bền xé rách	ASTM 624			
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar/7 ngày	BS EN 14891:2017			
87	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC BI TUM				
	Độ giãn dài	ASTM D412	Máy đa năng, cột thử thấm, máy kéo	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng	
	Độ xuyên nước sau 24h	TCVN 6557:2000			

	Cường độ bám dính khi ngâm nước	ASTM D7234	bám dính...	Trần Văn Thái;	
88	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM – SƠN NHỮ TƯƠNG BITUM.				
	Độ mịn	TCVN 2091:2015	Dụng cụ xác định độ mịn, cân, tấm phẳng, tủ nhiệt, đồng hồ, máy đa năng, máy kém bám dính, cột thử thấm....	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ nhớt quy ước	TCVN 2092:2013			
	Độ phủ	TCVN 2095:1993			
	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993			
	Thời gian khô	TCVN 6557:2000			
	Độ bền uốn	TCVN 2099:2013			
	Độ bám dính của màng sơn trên nền vữa	TCVN 2097:2015			
	Độ chịu nhiệt	TCVN 6557:2000			
	Độ xuyên nước sau 24h	TCVN 6557:2000			
	Độ bền lâu	TCVN 6557:2000			
89	BẢNG CÁN NƯỚC PVC				
	Xác định kích thước	TCVN 11904:2017	Thước, máy kéo đa năng, tủ nhiệt, cân, tỷ trọng, hóa chất....	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ bền kéo	TCVN 4509:2020			
	Độ giãn dài khi đứt				
	Độ cứng ShoreA	TCVN 1595-1:2013			
	Tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9409-3:2014			
	Khối lượng riêng	TCVN 4866: 2013 ISO 2781: 1988			
	Độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014			
90	LATEX				
	Hàm lượng chất rắn	TCVN 8826:2024	Tủ nhiệt, cân tỷ trọng...	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Khối lượng riêng/ Khối lượng thể tích (g/cm3)	TCVN 8826:2024			
91	MÀNG KHỎ				
	Độ bền kéo (ngang và dọc khổ)	TCVN 9067:2012	Máy kéo đa năng, cột thử thấm....	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ giãn dài khi đứt(ngang, dọc khổ)				
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh				
	Độ bền chọc thủng động				
92	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM -GỐC XI MĂNG				
	Cường độ bám dính	ASTM D7234	Máy kéo bám dính, máy thử thấm	Vũ Minh Tuấn; Trần Mạnh Hùng Trần Văn Thái;	
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar/7 ngày hoặc chiều sâu thấm nước.	BS EN14891:2017 hoặc BS EN 12390:2009			

3. Thông tin về Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên máy móc/thiết bị	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Máy khoan địa chất - Trung Quốc - Số hiệu: XY1	HĐKT số: 05/HĐKT/2010	MT344-2025	Kho của công ty
2	Máy Kéo đa năng: Model WDW-100,	HĐKT số : 2307/TA/HĐKT/2020	MT-KN0825/04	Tại công ty
3	Kẹp máy nén vụn năng 100 Tấn	HĐKT số : 2307/TA/HĐKT/2020		Tại công ty
5	Máy nén thủy lực 200 Tấn (điện từ)	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	MT-KN0825/02	Tại công ty
6	Máy nén thủy lực 30 Tấn Model TYA-300 điện từ hiện số	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
7	Thiết bị thử thấm của bê tông Model HS-40	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	MT-KĐ 0824/12	Tại công ty
8	Máy nén Marshall tải trọng 30 KN đồng bộ cung lực 30KN	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	CN5.M1329.25	Kho của công ty
9	Máy nén CBR + Cung lực 50KN	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	MT-XD1025/02	Kho của công ty
10	Máy cắt hai tốc độ EDJ - 1 động bộ phụ kiện chuẩn	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
11	Máy nén Tam liên WG-1C đồng bộ phụ kiện chuẩn	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
12	Máy trộn xi măng tiêu chuẩn model NJ-160A	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
13	Máy dẫn tạo mẫu model ZS-15/ZT-96 nguồn pha 1	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
14	Máy trộn 250 lít+ mô tơ	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
15	Bàn rung tạo mẫu bê tông 800x800	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
16	Tủ sấy 300 độ C Model 101-2	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
17	Bộ dụng cụ TN bentonite NA-1; NB-1; 1006	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
18	Búa thử cường độ bê tông	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
19	Bộ thiết bị thí nghiệm cường độ bắt lửa SYD-3536	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
20	Máy thử độ giãn dài nhựa model SY - 1.5 (Thân bằng Inox)	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	CN4M2531.25	Tại công ty
21	Máy khoan mẫu bê tông nhựa, BTXM	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty

22	Bộ kích nhỏ thép neo cây	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
23	Xe nâng 2.5 Tấn	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
24	Máy cưa đá bê tông lưỡi cắt hợp kim f400: bơm làm mát	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
25	Chày côi đầm nén Proctor t.chuẩn 4 Inch	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
26	Chày côi đầm nén Proctor cải tiến 6 Inch	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
27	Bình hút ẩm F180	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
28	Bình hút ẩm F240	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
29	Bộ sàn tiêu chuẩn f300 các cỡ	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
30	Bộ sàn tiêu chuẩn f200 các cỡ	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
31	Bình tỷ trọng 100ml	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
32	Bếp điện gia nhiệt + khay (bếp cách cát)	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
33	Bộ giới hạn chảy + dẻo đồng bộ	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
34	Máy sàng rung model 8411 sàng f200 mm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
35	Thước kẹp 0-300 cm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
36	Ống đồng 1000ml	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
37	Ống đồng 250ml	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
38	Ống đồng 100ml	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
39	Ống đồng 500ml	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
40	Dao vòng 61.8mm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
41	Hộp thấm nam kinh đo thấm đất	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
42	Cần Benkelman đo võng	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	CN5,M,1334,25	Tại công ty
43	Bộ giao đại lấy mẫu đất gồm 3 dao, 1 chup, 1 chày	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
44	Bình tỷ trọng xi măng 250 ml	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
45	Bộ kim vika	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
46	Khuôn vuông 2x2x2 cm kép sáu	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty

47	Bộ giá thử uốn mẫu xi măng	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
48	Bộ giá thử uốn nén xi măng	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
49	Cân kỹ thuật 6kg/0.01	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
50	Cân kỹ thuật 15kg/1g	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021	MT-XD1025/01	Tại công ty
51	Thùng đóng 1 lít , 2 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
52	Xi lanh đập nén f75/150	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
53	Khuôn lập phương 15x15x15cm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
54	Khuôn trụ f150x300mm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
55	Khuôn 200x200x200mm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
56	Khuôn 70,7x70,7x70,7 mm kép ba	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
57	Khuôn uốn mẫu bê tông 150x150x150 mm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
58	Bàn xoay quay tay đồng bộ bao gồm cả khâu; thước đo	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
59	Dụng cụ capping	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
60	Khuôn gá mẫu trụ 150x15 thử thấm BT (theo TCVN)	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
61	Khuôn đúc mẫu thử độ thấm bê tông 150x150mm	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
62	Khuôn tạo mẫu VXM 40X40X160 (Kép ba)	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
63	Phiếu đo độ xốp cát	HĐKT số : 06/4D-XDVN/HĐKT/2021		Tại công ty
64	Máy mài mòn sâu - Trung Quốc	HĐKT:137/TA-XDVN/HĐKT/2022	MT-XDVN 0824/10	Tại công ty
65	Máy mài bề mặt Model LM-8 - Trung Quốc	Hóa đơn GTGT Cty Trung Anh		Tại công ty
66	Máy trôi rửa màng sơn VN Trung Quốc gồm :	Hóa đơn GTGT Cty Trung Anh	MT-XDVN 0824/02	Tại công ty
67	Máy kéo bám dính LR6000 - Trung Quốc	Hóa đơn GTGT Cty Trung Anh	HC001945	Tại công ty
68	Máy siêu âm mối hàn	Cửa hàng vật tư TB khoa học kỹ thuật	HN003460	Tại công ty
69	Máy gông từ kiểm tra khuyết tật mối hàn CJE - Trung Quốc	Hóa đơn GTGT Cty Trung Anh	MT-XD 0325/01	Tại công ty
70	Máy đo độ cứng Model W-20B	Hóa đơn GTGT Cty Trung Anh		Tại công ty

71	Máy dẫn vữa xi măng	Hóa đơn Cửa hàng vật tư TB khoa học kỹ thuật		Tại công ty
72	Bộ đo E	Hóa đơn Cửa hàng vật tư TB khoa học kỹ thuật		Tại công ty
73	Máy cắt đất 2 tốc độ	Hóa đơn Cửa hàng vật tư TB khoa học kỹ thuật		Tại công ty
74	Máy đầm MDB	Hóa đơn Cửa hàng vật tư TB khoa học kỹ thuật		Tại công ty
75	Máy dò cốt thép bê tông Model RBL	HĐKT:100-2023/HĐKT/ANPHAT	HN003504	Tại công ty
76	Hồ sơ máy siêu âm mối hàn Model U610	HĐKT:100-2023/HĐKT/ANPHAT	MT KD 1124/01	Tại công ty
77	Máy nén bê tông TYE 2000	HĐKT số: 62/09/HĐKT	MT-KN0825/01	Tại công ty
78	Sàn tiêu chuẩn lỗ vuông D300	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
79	Cân kỹ thuật điện tử Model Dj-4000TW Shinko Nhật	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
80	Cân kỹ thuật điện tử Model BC30/BC15 OHAUS Mỹ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
81	Tủ sấy 300 độ C model 101-2 Trung Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
82	Đồng hồ bấm dây Trung Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
83	Máy nén bê tông model TYE-2000 Wũi New Luda Trung Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
84	Bàn rung bê tông Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
85	Khuôn đúc mẫu bê tông TQ 150X150X150MM	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
86	Khuôn đúc mẫu bê tông TQ 200x200x100mm	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
87	Phễu và bình tam giác xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa -VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
88	Khuôn vữa kép ba 70,7x70,7x70,7 mm	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
89	Sàn tiêu chuẩn xác định độ mịn bột xi măng Xiyi TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
90	Bình tỷ trọng Le chatelier 250ml TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
91	Bộ Vica thí nghiệm xi măng TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty

92	Khuôn Le chatelier xác định độ ổn định thể tích xi măng TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
93	Bản dẫn xác định hàm lượng nước của xi măng VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
94	Nồi hấp mẫu xi măng VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
95	Máy trộn vữa xi măng tự động model JJ-5 TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
96	Máy dẫn vữa xi măng tự động model ZS-15 TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
97	Khuôn đúc mẫu 40x40x160mm	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
98	Dụng cụ gá uốn mẫu 40x40x160mm TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
99	Dụng cụ gá nén mẫu 40x40mm TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
100	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cát VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
101	Bản so màu Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
102	Bếp cách cát TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
103	Kính lúp TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
104	Bộ khuôn nén đập trong xi lanh của đá VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
105	Bộ thùng đong xác định khối lượng thể tích xốp của vật liệu VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
106	Phiếu xác định khối lượng thể tích xốp của cát VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
107	Phiếu xác định khối lượng thể tích xốp của đá VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
108	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của đá VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
109	Máy kiểm tra độ mài mòn Los Angeles model MH-II-Coshing	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
110	Máy uốn kéo nén vạn năng Model WE-600B-WUXI XIYI-TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Đề phía trước công ty
111	Tỷ trọng kế 152H	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
112	Bình tỷ trọng 100ml TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
113	Ổng đong 100-250ml-TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty

114	Ổng đong 500ml-TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
115	Ổng đong 1000ml-TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
116	Bình tam giác 100-250ml TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
117	Bộ cassagrande xác định giới hạn chảy -VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
118	Tấm kính nhám xác định giới hạn chảy dẻo VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
119	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm NANJING TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
120	Máy thí nghiệm CBR trong phòng model CBR-2-Nanjing -TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
121	Máy nén đất cố kết tam liên một trục trung áp model WG-Nanjing-TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
122	Máy cắt đất 2 tốc độ model ZJ-Nanjing -TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
123	Bộ cối chàyr sứ TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
124	Bộ cối chàyr đồng VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
125	Dao vòng 30cm2 -nanjing -TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
126	Bộ khuôn CBR VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
127	Đĩa giãn cách VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
128	Bộ cối chàyr Proctor cải tiến VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
129	Bộ cối chàyr Proctor tiêu chuẩn VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Đề phía trước công ty
130	Súng bắn bê tông model LBG -Ý	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
131	Máy siêu âm bê tông model N034-LBG-Italia	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
132	Máy khoan lấy lõi model DK10A1= Hàn Quốc hai tốc độ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
133	Mũi khoan kim cương 4 inch -HQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
134	Phễu rót cát VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
135	Thước 3 mét xác định độ bằng phẳng mặt đường Model ZSC-1-Nanjing TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty

136	Bộ giao đai xác định dung trọng hiện trường TQ	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
137	Cần Benkelman xác định độ mô đun đàn hồi mặt đường VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
138	Bộ ép tĩnh sử dụng kết hợp với cần Benkelman VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
139	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường theo PP rắc cát - VN	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
140	Bộ chùy xuyên vaxiliep xác định giới hạn chảy model ZY01	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
141	Dụng cụ xác định hệ số thấm của đất. Model TST-55-Nanjing- Trung Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
142	Bố côn thử độ sụt bê tông - Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
143	Máy xác định độ kim lún tự động. Model LZD-2- Nanjing - Tung Quốc, Nguồn: 220VAC	HĐKT số: 62/09/HĐKT	CN5.M1330.25	Tại công ty
144	Bộ khuôn bột kháng- Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
145	Kích tháo mẫu- Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
146	Tủ sấy xác định độ tổn thất nhựa có khay quay. Model: 82-Wuxi-HuanAn - Trung Quốc. Nguồn: 220V; 2,5KW	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
147	Máy xác định độ dẫn dài của nhựa. Model LYS-1- Nanjing- Trung Quốc. Nguồn: 220; 70W	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
148	Máy xác định nhiệt độ bắt cháy của nhựa đường. Model STD-3536- Trung Quốc. Nguồn: 220V;400W	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Đề phía trước công ty
149	Thiết bị xác định điểm hóa mềm của nhựa. Model LRH-1-Nanjing- Trung Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
150	Máy hút chân không. Model VE125-Trung Quốc. Nguồn: 220V; 50Hz	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
151	Bình hút chân không - Trung Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
152	Máy chiếc nhựa quay li tâm. Model HCT-2-	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty

	Nanjing- Trung Quốc. Nguồn: 220VAC; 550W			
153	Máy chiếc nhựa quay li tâm. Model LWD-1- Nanjing- Trung Quốc. Nguồn: 220VAC; 370W	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
154	Đầm tạo mẫu Marshall bằng tay- Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
155	Giỏ cân thủy tĩnh- Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
156	Nhiệt kế BTN- Hàn Quốc	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
157	Khuôn Marshall- Việt Nam	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
158	Bể ôn nhiệt bê tông nhựa. Model HHW-2 -Nanjing- Trung Quốc. Nguồn: 220V; 1000W	HĐKT số: 62/09/HĐKT		Tại công ty
159	Máy siêu âm cọc nhồi PDA -USA – 6257X	HĐKT số: 62/09/HĐKT	MT-TĐ 1224/01	Tại kho Công ty
160	Máy đầm tự động CBR/Proctor	HĐKT/TA/HĐKT/2025	25ĐT 0953/MB.CN	Tại công ty
161	Thiết bị va đập ống nhựa/HDPE	HĐKT/TA/HĐKT/2025	25ĐT 0954/MB.CN	Tại công ty
162	Máy thấm vải địa kỹ thuật	HĐKT/TA/HĐKT/2025	25ĐT 0955/MB.CN	Tại công ty
163	Máy đo PH cầm tay HI98107	HĐKT/TA/HĐKT/2025		Tại công ty
164	Bộ đo độ cứng thang Mohs	HĐKT/TA/HĐKT/2025		Tại công ty
165	Dao cắt tạo mẫu cao su	HĐKT/TA/HĐKT/2025		Tại công ty
166	Khung dầm nén ống cống 3 cạnh, nén nắp gang	HĐKT số : 1009/2025/ HĐKT/VN-PT		Tại kho công ty
167	Dầm thí nghiệm nén tĩnh cọc 3500x700x30x14mm	HĐKT số : 0705/2026/ HĐKT/VN-PT		Tại kho công
168	Kích Thủy lực 100 tấn	Seerri:108	HC001479	Tại công ty
169	Cân kỹ thuật 15kg/1g	02690	MT-XD1025/05	Tại công ty
170	Máy thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy	159043	MT- 1XD0625/04	Tại công ty
171	Máy đo độ dày sơn phủ (sơn, kẽm)	N13911	MT- 1XD0625/01	Tại công ty
172	Máy Kéo đa năng: Model WE-1000B	190236X	MT- KN0825/05	Tại công ty
173	Đồng hồ biến dạng	80434385	CN4.M.858.26	Tại công ty

174	Đồng hồ biến dạng	80510716	CN4.M.856.26	Tại công ty
175	Đồng hồ biến dạng	80023071	CN4.M.855.26	Tại công ty
176	Đồng hồ biến dạng	80414614	CN4.M.857.26	Tại công ty
177	Kích Thủy lực YCW -350	712065	CN5.M827.26	Tại công ty
178	Áp kế	712065	CN4.M854.26	Tại công ty
179	Thiết bị đo lực momen xoắn (cần siết lực)	23062742	MT-1XD0625/06	Tại công ty
180	Máy đo độ dày sơn phủ (sơn, kẽm)	N994597	MT-1XD0625/02	Tại công ty
181	Máy đo đếm sóng thủy tinh rỗng	21159	25ĐT 0956/MB.CN	Tại công ty
182	Máy kéo bám dính	L120040022	MT-XDVN 0724/03	Tại công ty

4. Thông tin năng lực của Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Stt	Họ và tên thí nghiệm viên	Mã định danh	Trình độ chuyên môn, văn bằng, chứng chỉ	Chức vụ
1.	Trần Văn Quang	0360780 21923	* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng * Chứng chỉ: - Số: 8159-A3793B/VNĐ-TNV, ngày 23/01/2022, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 8417-4051B/VNĐ-QLTN, ngày 27/03/2022, Quản lý Phòng thí nghiệm. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 2024/TC1-032/VKHCN, ngày 05/09/2024, Nội dung đào tạo: thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của Cọc. Đơn vị cấp: Viện Khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng - Số: 2024/QL4-017/VKHCN, ngày 16/11/2024, Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số HNT-00167588 theo Quyết định số 23/2023 QĐ – VACC ngày 02/06/2023 về chứng chỉ hành nghề các lĩnh vực: Thiết kế kết cấu công trình – hạng III; Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật – hạng II; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đề điều) – hạng II.	- Tổng Giám đốc
2.	Vũ Xuân Quý	0560590 00980	* Trình độ chuyên môn: Trung cấp xây dựng * Chứng chỉ: - Số 12/QDD/2020/STIC/ TNXD, ngày 30/11/2020, Nội dung đào tạo: Cơ lý nhựa đường; Bê tông nhựa; Cơ lý vải địa kỹ thuật. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng cấp.	Phó Tổng giám đốc
3.	Trần Mạnh Hùng	0360790 3695	* Trình độ chuyên môn: Đại học * Chứng chỉ: - Số: 345/QĐ.109.2025, ngày 14/04/2025, Nội dung đào tạo: thí nghiệm, kiểm định sơn, thạch cao, ván gỗ và vải địa kỹ thuật. Đơn vị cấp: Viện vật liệu xây dựng - Số: 8024-A3658B/VNĐ-TNV, ngày 26/12/2021, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên ngành điện, thí nghiệm điện trở dây điện, cáp điện và các phụ kiện. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới	Phó Tổng giám đốc

4.	Lê Tiến Công	056078009866	* Trình độ chuyên môn: Cử nhân địa chất * Chứng chỉ: - Số: N13630/2016/VKH-TNXD cấp. Nội dung đào tạo: Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn về sức chịu tải cọc. Đơn vị cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng - Số: 2024/QL2-043/VKHCN, ngày 10/04/2024, Nội dung đào tạo: Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 240/QĐ.2025. VLXD. Nội dung đào tạo: thí nghiệm, kiểm định vật liệu công trình giao thông. Đơn vị cấp: Viện vật liệu xây dựng	Trưởng phòng thí nghiệm
5.	Võ Hữu Trung	056088003937	* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường * Chứng chỉ: - Số: 27/BDNVQT, Nội dung đào tạo: Trắc địa công trình xây dựng. Đơn vị cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng - Số: 5656/2009/VKH-TNXD, Nội dung đào tạo: Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy. Đơn vị cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng - Số: 5762/2009/VKH-TNXD, Nội dung đào tạo: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường. Đơn vị cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng - Số: 0093/ ĐHBK - TNV, Nội dung đào tạo: Thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình xây dựng. Đơn vị cấp: Đại học bách khoa Đà Nẵng	Phó trưởng phòng thí nghiệm
6.	Nguyễn Thị Lan	064177004817	* Trình độ chuyên môn: Đại học * Chứng chỉ: - Số: 8065-A3699B/VNĐ-TNV, ngày 28/11/2021, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới	Thí nghiệm viên
7.	Lưu Ngọc Bích	036303014650	* Trình độ chuyên môn: Đại học * Chứng chỉ: - Số: 8065-A3699B/VNĐ-TNV, ngày 28/11/2021, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới	Thí nghiệm viên
8.	Vũ Minh Tuấn	056097007100	* Trình độ chuyên môn: 12/12 * Chứng chỉ: - Số: 2025/GT2-081/ VKHCN, ngày 12/03/2025, Nội dung đào tạo: thí nghiệm vật liệu công trình giao thông. Đơn vị cấp: Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng. - Số: 395/QĐ.130.2025. VLXD, ngày 28/04/2025, Nội dung đào tạo: Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông, Đơn vị cấp: Viện vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên

			- Số: 22147-A22149B/VNĐ-TNV, ngày 25/01/2021, Nội dung đào tạo: thí nghiệm tính chất cơ lý của thép. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 41806/VKHCN, Nội dung đào tạo: phương pháp xác định tính chất cơ lý của Bê tông Đơn vị cấp: Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng - Số: QĐ 02/2025/STIC/ TNXD-02, ngày 20/07/2025, Nội dung đào tạo: Thí nghiệm đất xây dựng. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường ĐHBK Đà Nẵng - Số: 01/2026/QĐ- STIC/ TNXD-03, ngày 20/03/2026. Nội dung đào tạo: Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường ĐHBK Đà Nẵng	
9.	Nguyễn Đức Đông	0540970 10361	* Trình độ chuyên môn: Cao đẳng xây dựng * Chứng chỉ: - Số: 9585-A9589B/VNĐ-TNV, ngày 25/01/2021, Nội dung đào tạo: thí nghiệm vật liệu xây dựng. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 13087-A13089B/VNĐ-TNV, ngày 20/01/2020, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 5237-A5248B/VNĐ-TNV, ngày 25/04/2019, Nội dung đào tạo: thí nghiệm cơ lý của đất, đá trong phòng và hiện trường. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: QĐ 02/2025/STIC/ TNXD-04, ngày 20/07/2025, Nội dung đào tạo: Thí nghiệm đất xây dựng. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường ĐHBK Đà Nẵng	Thí nghiệm viên
10.	Huỳnh Văn Phương		* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng * Chứng chỉ: - Số: 767/ ĐHGTVT-CCTNV, ngày 11/09/2023, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông, Đơn vị cấp: Trường Đại học giao thông vận tải TP HCM	Thí nghiệm viên
11.	Trần Văn Thái	0360870 20342	* Trình độ chuyên môn: 12/12 * Chứng chỉ: - Số: 8063-A3697B/VNĐ-TNV, ngày 28/11/2021, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: 002058-A002060B/ VNĐ-TNV, ngày 25/01/2021, Nội dung đào tạo: Kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp siêu âm, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới	Thí nghiệm viên

			- Số: 575/QĐ.136.2025. VLXD, ngày 06/05/2025, Nội dung đào tạo: Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa, Đơn vị cấp: Viện vật liệu xây dựng - Số: 8413-A4047B/VNĐ-TNV, ngày 27/03/2022, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: QĐ 02/2025/STIC/ TNXD-01, ngày 20/07/2025, Nội dung đào tạo: Thí nghiệm đất xây dựng. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường ĐHBK Đà Nẵng - Số: 01/2026/QĐ- STIC/ TNXD-02, ngày 20/03/2026. Nội dung đào tạo: Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường ĐHBK Đà Nẵng	
12.	Lê Văn Sa	0562010 01328	* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng * Chứng chỉ: - Số: 2024/QL4-018/VKHCN, ngày 16/11/2024, Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới - Số: QĐ 02/2024/STIC/ TNXD-05, ngày 15/04/2024, Nội dung đào tạo: Thí nghiệm đất xây dựng. Đơn vị cấp: Trung tâm KHCN & Tư vấn đầu tư Trường ĐHBK Đà Nẵng - Số: 53.156.23/VKHCN-TNV, ngày 20/06/2023, Nội dung đào tạo: thí nghiệm vật liệu xây dựng, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu khoa học và công nghệ GTVT	Thí nghiệm viên
13.	Lưu Phúc Khánh	0562030 02368	* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng * Chứng chỉ: Số: 0169/SCTC2025-ĐHXDHN, ngày 11/09/2025, Nội dung đào tạo: thí nghiệm vật liệu công trình giao thông, Đơn vị cấp: Trường Đại học xây dựng Hà Nội	Thí nghiệm viên
14.	Vũ Minh Thiện	0562030 05299	* Trình độ chuyên môn: Đại học * Chứng chỉ: Số: 8180-A3814B/VNĐ-TNV, ngày 23/01/2022, Nội dung đào tạo: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới	Thí nghiệm viên
15.	Nguyễn Thị Hạnh	0223000 05546	* Trình độ chuyên môn: Đại học * Chứng chỉ - Số: thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng, Đơn vị cấp: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới	Thí nghiệm viên
16.	Hà Thị Duyên		* Trình độ chuyên môn: Đại học * Chứng chỉ: Thí nghiệm hóa	Hợp đồng
17.	Vũ Văn Tuế		Công nhân khoan	
18.	Huỳnh Duy Tâm		Công nhân khoan	

Tất cả các nội dung công bố công khai trên trang thông tin của Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định xây dựng Việt Nam tại địa chỉ <http://vietnamsjc.vn>

Nơi nhận:

- CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM**
TỔNG GIÁM ĐỐC



46